

BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG **THƯƠNG MẠI**

Số 02 tháng 8/2026

www.tbt.gov.vn



Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

MỤC LỤC

Vấn đề hôm nay

3

Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số



Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

6

Danh mục thông báo TBT đã tiếp nhận từ 11/8/2026 - 20/8/2026

9

Tin cảnh báo TBT số 02 tháng 8/2026

15

Danh mục Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TBT mới ban hành

Quan ngại thương mại

17

Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương



Tranh chấp thương mại về TBT của WTO

20

Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu khác về bao bì trơn áp dụng đối với sản phẩm thuốc lá và bao bì thuốc lá (DS 467) (Phần 1)



Điểm TBT Quốc gia
Số 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02437911630
Email: tbtvn@mst.gov.vn, htqt@tcvn.gov.vn
Website: tbt.gov.vn

Thương mại số và bài toán thu hẹp khoảng cách số

Thương mại quốc tế đang ngày càng diễn ra trên môi trường số. Từ việc doanh nghiệp tìm kiếm khách hàng, ký kết hợp đồng, thanh toán đến cung cấp trực tiếp các dịch vụ qua biên giới, công nghệ số đang làm thay đổi cách hàng hóa và dịch vụ được sản xuất, phân phối và tiếp cận thị trường.



Ngày 02/7/2026, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ (OIF) công bố báo cáo Digital Trade and Regulatory Frameworks: Levers for Inclusive Growth, tập trung phân tích vai trò của các khuôn khổ pháp lý trong việc khai thác tiềm năng của thương mại số, đồng thời đặt ra vấn đề làm thế nào để quá trình số hóa mang lại lợi ích rộng rãi hơn cho các nền kinh tế và doanh nghiệp ở những trình độ phát triển khác nhau.

Sự phát triển của thương mại số đang mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường theo cách mà thương mại truyền thống khó có thể thực hiện. Một doanh nghiệp nhỏ không nhất thiết phải xây dựng mạng lưới phân phối vật lý tại nước ngoài mới có thể tiếp cận người tiêu dùng quốc tế. Các nền tảng trực tuyến, dịch vụ thanh toán điện tử và công cụ số có thể giúp giảm chi phí tìm kiếm khách hàng, giao dịch và cung cấp dịch vụ.

Nhưng cơ hội này không tự động được phân bổ đồng đều.



Theo WTO và OIF, khả năng tận dụng thương mại số phụ thuộc đáng kể vào chất lượng hạ tầng kỹ thuật số, năng lực của doanh nghiệp và người lao động, cũng như môi trường pháp lý của mỗi nền kinh tế. Khoảng cách về khả năng kết nối, kỹ năng số và năng lực thể chế có thể khiến các quốc gia đang phát triển khó tận dụng đầy đủ những cơ hội do thương mại số mang lại. Điều này khiến khoảng cách số ngày càng có nguy cơ trở thành khoảng cách về khả năng tham gia thương mại. Khi hoạt động kinh doanh chuyển nhanh lên môi trường trực tuyến, doanh nghiệp thiếu kết nối ổn định, công nghệ phù hợp hoặc kỹ năng cần thiết có thể gặp bất lợi ngay từ trước khi sản phẩm tiếp cận thị trường quốc tế.

Bên cạnh hạ tầng, một thách thức khác là sự khác biệt ngày càng lớn giữa các khuôn khổ pháp lý. Thương mại số liên quan đồng thời đến nhiều vấn đề như giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, thanh toán điện tử và luồng dữ liệu qua biên giới. Các quốc gia đều có lý do chính đáng để xây dựng quy định trong những lĩnh vực này. Tuy nhiên, nếu các yêu cầu được xây dựng theo những cách quá khác nhau, doanh nghiệp có thể phải thích ứng với nhiều hệ thống pháp luật và yêu cầu kỹ thuật khác nhau khi cung cấp cùng một dịch vụ tại nhiều thị trường.

Tổng Giám đốc WTO Ngozi Okonjo-Iweala cho rằng các quy định hiệu quả và những cải cách có mục tiêu có thể hỗ trợ hội nhập thương mại, nhưng đồng thời cảnh báo về rủi ro của việc môi trường số ngày càng bị phân mảnh. Vì vậy, vấn đề không đơn giản là có nhiều hay ít quy định, mà là các quy định có tạo ra một môi trường đủ rõ ràng, nhất quán và có khả năng tương tác để doanh nghiệp hoạt động xuyên biên giới hay không.

Một môi trường pháp lý có tính dự đoán có ý nghĩa đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các tập đoàn lớn thường có nguồn lực để nghiên cứu và đáp ứng yêu cầu khác nhau tại từng thị trường, trong khi chi phí pháp lý và tuân thủ có thể trở thành rào cản đáng kể đối với doanh nghiệp nhỏ.

Do đó, thúc đẩy thương mại số bao trùm không chỉ là vấn đề phát triển thêm nền tảng hay đưa nhiều doanh nghiệp lên môi trường trực tuyến. Các nước còn cần xây dựng thể chế phù hợp, tăng cường năng lực kỹ thuật, đầu tư vào hạ tầng số và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

[Báo cáo WTO-OIF](#) đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc chia sẻ kiến thức và thực tiễn tốt, cũng như tăng cường năng lực cho các nước đang phát triển. Nếu những yếu tố này không được cải thiện song song với tốc độ số hóa của thương mại, khoảng cách giữa những nền kinh tế có khả năng khai thác công nghệ và những nền kinh tế còn hạn chế về hạ tầng có thể tiếp tục mở rộng.

Ở góc độ doanh nghiệp, quá trình này cũng đặt ra những yêu cầu mới. Khả năng cạnh tranh trong thương mại số ngày càng phụ thuộc không chỉ vào giá cả và chất lượng sản phẩm mà còn vào năng lực xử lý dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, xác thực giao dịch, đáp

ứng yêu cầu về quyền riêng tư và tạo dựng niềm tin của khách hàng trên môi trường trực tuyến.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thương mại số mở ra cơ hội để doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế với chi phí thấp hơn và tham gia vào các chuỗi giá trị theo những phương thức mới. Tuy nhiên, để chuyển cơ hội thành lợi ích thực tế cần đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng, kỹ năng số, năng lực của doanh nghiệp và khả năng thích ứng của hệ thống pháp luật.

Số hóa đang làm giảm một số rào cản truyền thống của thương mại, nhưng cũng tạo ra những dạng rào cản mới. Vì vậy, mục tiêu của chính sách thương mại trong kỷ nguyên số không chỉ là thúc đẩy nhiều giao dịch trực tuyến hơn, mà còn phải tạo ra một môi trường trong đó doanh nghiệp ở nhiều quy mô và các nền kinh tế ở những trình độ phát triển khác nhau đều có khả năng tham gia. Khi thương mại ngày càng gắn với dữ liệu và công nghệ, thu hẹp khoảng cách số cũng chính là một phần của bài toán thu hẹp khoảng cách trong thương mại toàn cầu.

Nguồn: WTO – OIF, WTO-OIF report highlights the transformative impact of digital trade for an inclusive global economy, 02/7/2026.

https://www.wto.org/english/news_e/news26_e/dtech_02jul26_439_e.htm



DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC**TỪ 11/8/2026 – 20/8/2026**

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Ai Cập	3	Tiêu chuẩn đối với bếp gas gia dụng sử dụng LPG; yêu cầu ghi nhãn về tiêu thụ nhiên liệu/năng lượng và phát thải đối với xe loại M1; tiêu chuẩn đối với túi nicotine không chứa thuốc lá.
Ả Rập Xê Út	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Bahrain	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Brazil	4	Giới hạn tối đa chất ô nhiễm trong thực phẩm; Chương trình nhiên liệu hàng không bền vững quốc gia; khung pháp lý và chương trình phát triển hydro carbon thấp; quy cách và kiểm soát chất lượng biomethane dùng cho phương tiện và các công trình dân dụng, công nghiệp, thương mại.
Burundi	2	Yêu cầu kỹ thuật đối với dolomit và vôi đá vôi dùng làm chất cải tạo khoáng; tiêu chuẩn đối với phân bón hữu cơ.
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Chile	3	Yêu cầu đối với tấm thép phủ tạo hình nguội dùng trong xây dựng; cửa và cửa sổ bằng nhôm; phương pháp thử đối với lá cửa gỗ phẳng.
Cộng hòa Séc	1	Yêu cầu đo lường, kỹ thuật, thử nghiệm, phê duyệt kiểu và kiểm định đối với nhiệt kế dùng trong kiểm tra nhiệt độ thực phẩm.
Đài Loan	5	Kiểm định và kiểm tra đồng hồ nước; hạn chế sử dụng và ghi nhãn inulin sản xuất bằng fructosyltransferase làm thành phần thực phẩm; kiểm tra pháp lý đối với thiết bị nguồn và hệ thống chuyển đổi công suất; mở rộng kiểm tra bắt buộc đối với hệ thống lưu trữ năng lượng lithium cố định; phê duyệt kiểu đối với đồng hồ khí siêu âm.

Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Hàn Quốc	4	Sửa đổi tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phương tiện cơ giới và linh kiện; ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen; sửa đổi Dược điển thảo dược Hàn Quốc; tiêu chí xác minh an toàn đối với xe đạp.
Hoa Kỳ	4	Đánh giá rủi ro đối với ethylene dibromide và dichlorobenzene theo TSCA; cập nhật Chương trình đánh giá xe mới (NCAP); chương trình hiệu suất đối với lốp xe thay thế tại California.
Jordan	4	Thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ không chủ yếu từ ngũ cốc; tiêu chuẩn đối với ngũ cốc ăn sáng, bánh maamoul và bột đông lạnh.
Kenya	1	Quy phạm thực hành đối với đồ uống từ ngũ cốc.
Kuwait	2	Thực phẩm dành cho người không dung nạp gluten; công bố chất gây dị ứng trong thực đơn của các cơ sở cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng ngoài gia đình.
Liên minh châu Âu	4	Sửa đổi quy định phân loại, ghi nhãn và bao gói hóa chất; phương pháp tính và xác minh hàm lượng cobalt, nickel, lithium và chì tái chế trong một số loại pin; danh mục sản phẩm hữu cơ nhập khẩu có rủi ro cao và tỷ lệ kiểm soát; hạn chế hương liệu gây dị ứng và một số hóa chất trong đồ chơi.
Mexico	1	Sửa đổi yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị đầu cuối di động liên quan đến dịch vụ phát sóng di động phục vụ thông báo rủi ro và tình huống khẩn cấp.
New Zealand	6	Sửa đổi hệ thống pháp lý trong lĩnh vực nông nghiệp; quy định về sản phẩm và sản xuất hữu cơ; tiêu chuẩn nhóm đối với hạt giống đã xử lý; cấm nhập khẩu nitrous oxide; đánh giá lại bifenthrin và các sản phẩm chứa bifenthrin.
Nhật Bản	1	Bổ sung các chất có khả năng tác động đến hệ thần kinh trung ương vào danh mục chất được quản lý theo pháp luật về dược phẩm và thiết bị y tế.
Oman	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Panama	1	Áp dụng Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) đối với phân loại nguy hại, nhãn và phiếu an toàn hóa chất.



Nước thông báo	Số lượng TB	Vấn đề thông báo
Peru	4	Sửa đổi quy định ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với thiết bị sử dụng năng lượng; sửa đổi quy chuẩn đối với xi măng thủy lực; mức hiệu suất năng lượng tối thiểu đối với nguồn sáng; bổ sung các phụ lục về ghi nhãn hiệu suất năng lượng.
Philippines	1	Quy định chứng nhận sản phẩm bắt buộc đối với sản phẩm nhôm.
Qatar	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.
Rwanda	3	Tiêu chuẩn đối với lạc phủ; bột khoai lang ruột vàng/cam tăng cường vi chất dạng phối trộn ăn liền; hỗn hợp làm bánh.
Thái Lan	3	Tiêu chuẩn đối với sữa dê và sữa dê có hương vị; yêu cầu đối với người phụ trách sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh một số thiết bị y tế; điều kiện kinh doanh thiết bị y tế nha khoa.
Trung Quốc	32	Mức hiệu suất năng lượng đối với máy hàn, tivi và đầu thu truyền hình, bình nước nóng khí, máy photocopy, máy in, máy quét, quạt, động cơ, máy hút ẩm, thiết bị lạnh y tế, bình nước nóng điện và tháp giải nhiệt; yêu cầu an toàn đối với thang máy, thiết bị thể thao, thiết bị trợ thị, thiết bị vui chơi quy mô lớn, chăn chữa cháy, xe đạp, phương tiện vận tải đường bộ và thiết bị gia nhiệt công nghiệp; yêu cầu đối với thuốc lá nung nóng, chống hàng giả, khí thải máy móc phi đường bộ, crom (VI) trong xi măng, vật liệu nổ và sản xuất rèn.
Ukraina	2	Sửa đổi quy định về ghi nhãn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi; sửa đổi pháp luật về an toàn hóa chất và quản lý hóa chất.
Uruguay	2	Sửa đổi các quy định MERCOSUR về phụ gia thực phẩm; phụ gia và chất hỗ trợ chế biến đối với món tráng miệng từ sữa.
Việt Nam	1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị sạc điện cho xe điện.
Yemen	1	Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt đối với người không dung nạp gluten.



TIN CẢNH BÁO 11/7/2026 – 20/7/2026

Liên minh châu Âu đề xuất giới hạn một số hóa chất trong đồ chơi trẻ em



Ngày 11/8/2026, Liên minh châu Âu (EU) thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo sửa đổi Phụ lục II của Chỉ thị 2009/48/EC về an toàn đồ chơi liên quan đến hương liệu gây dị ứng, bisphenol A, phenol và benzisothiazolinone.

Theo dự thảo, EU đề xuất bổ sung Lilial vào danh sách các hương liệu gây dị ứng bị cấm sử dụng trong đồ chơi. Đồng thời, dự thảo bãi bỏ việc viện dẫn các tiêu chuẩn EN 71-10 và EN 71-11 như phương pháp thử bắt buộc đối với bisphenol A, phenol và benzisothiazolinone trong đồ chơi.

Đáng chú ý, giới hạn di chuyển của bisphenol A (BPA) trong đồ chơi được đề xuất giảm xuống còn 0,005 mg/l, qua đó siết chặt hơn yêu cầu kiểm soát hóa chất đối với sản phẩm dành cho trẻ em.

Biện pháp áp dụng đối với các sản phẩm được thiết kế hoặc dự định sử dụng, dù không hoàn toàn dành riêng, cho hoạt động vui chơi của trẻ em dưới 14 tuổi.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và xuất khẩu đồ chơi, linh kiện đồ chơi và các sản phẩm dành cho trẻ em sang EU. Doanh nghiệp cần rà soát thành phần nguyên liệu, hương liệu, nhựa, lớp phủ và các vật liệu có khả năng chứa BPA hoặc các chất thuộc phạm vi sửa đổi.

Việc giảm đáng kể giới hạn BPA cũng có thể làm phát sinh nhu cầu thử nghiệm lại sản phẩm hoặc nguyên liệu, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp kiểm soát chặt hơn hồ sơ kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp nguyên liệu.

Mục tiêu của dự thảo là tăng cường bảo vệ sức khỏe và an toàn của trẻ em trước nguy cơ tiếp xúc với các hóa chất và hương liệu có khả năng gây ảnh hưởng bất lợi.

Dự kiến biện pháp được thông qua và có hiệu lực trong quý IV/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 10/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/EEC/26_04191_00_e.pdf

Mã thông báo: G/TBT/N/EU/1231



Brazil ban hành giới hạn tối đa đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm



Ngày 17/8/2026, Brazil thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc chính thức ban hành quy định liên quan đến giới hạn tối đa cho phép đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm.

Theo thông báo, Dự thảo Nghị quyết số 1311 ngày 25/2/2025, trước đây đã được Brazil thông báo tới WTO, đã được thông qua dưới hình thức Hướng dẫn quy phạm (Normative

Instruction – IN) số 463 ngày 05/8/2026.

Quy định thiết lập các giới hạn tối đa cho phép đối với chất ô nhiễm trong thực phẩm, áp dụng đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ thực phẩm. Mục tiêu của biện pháp là duy trì sự hài hòa với các tiêu chuẩn được xây dựng trong khuôn khổ MERCOSUR, đồng thời bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng.

Đây là nội dung đáng chú ý đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thực phẩm và sản phẩm thực phẩm chế biến sang Brazil. Khi quy định đã chính thức được thông qua, doanh nghiệp cần rà soát các yêu cầu về giới hạn chất ô nhiễm áp dụng đối với từng nhóm sản phẩm, đặc biệt đối với các mặt hàng có nguy cơ phát sinh chất ô nhiễm từ nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến hoặc bảo quản.

Doanh nghiệp cũng cần lưu ý rằng việc đáp ứng yêu cầu có thể liên quan đến kiểm soát nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất, kết quả thử nghiệm và hồ sơ chứng minh sản phẩm đáp ứng giới hạn quy định trước khi xuất khẩu.

Việc Brazil hài hòa các giới hạn với khuôn khổ MERCOSUR cũng cho thấy doanh nghiệp xuất khẩu sang khu vực này cần theo dõi không chỉ quy định riêng của từng quốc gia mà cả các yêu cầu kỹ thuật được xây dựng ở cấp khu vực.

Quy định đã được ban hành dưới hình thức Normative Instruction No. 463 ngày 05/8/2026. Thông báo bổ sung không quy định thời hạn lấy ý kiến do đây là biện pháp đã được thông qua.

Thông tin chi tiết của quy định xem tại trang thông tin pháp luật của Cơ quan Giám sát Y tế Quốc gia Brazil (ANVISA).

Mã thông báo: G/TBT/N/BRA/1586/Add.1.



Peru đề xuất mở rộng phạm vi ghi nhãn hiệu suất năng lượng cho 11 nhóm thiết bị



Ngày 14/8/2026, Peru thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Nghị định tối cao sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật về ghi nhãn hiệu suất năng lượng đối với thiết bị sử dụng năng lượng, được ban hành theo Nghị định tối cao số 009-2017-EM.

Theo thông báo, Peru đề xuất mở rộng phạm vi của hệ thống ghi nhãn hiệu suất năng lượng hiện hành thông qua việc bổ sung 11 phụ lục mới áp dụng cho các nhóm thiết bị sử dụng năng lượng.

Các sản phẩm được bổ sung gồm tivi; bếp từ; lò vi sóng; thiết bị điện, điện tử và thiết bị văn phòng ở chế độ chờ; lò nướng điện; lò nướng điện di động; quạt đứng và quạt treo tường; quạt trần; máy rửa bát; thiết bị điều khiển nguồn sáng LED và tương tự; bếp sử dụng nhiên liệu khí.

Đối với từng nhóm sản phẩm, dự thảo đưa ra các tiêu chuẩn hoặc phương pháp thử dùng để xác định hiệu suất năng lượng. Nhiều tiêu chuẩn quốc tế và khu vực được viện dẫn, trong đó có các tiêu chuẩn IEC liên quan đến đo mức tiêu thụ điện của tivi, thiết bị ở chế độ chờ, lò vi sóng, lò nướng, máy rửa bát và thiết bị điều khiển nguồn sáng LED.

Đây là nội dung cần lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam sản xuất hoặc xuất khẩu thiết bị điện, điện tử và đồ gia dụng sang thị trường Peru. Khi quy định được áp dụng, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh có thể phải đáp ứng yêu cầu về thử nghiệm hiệu suất năng lượng và thể hiện thông tin tương ứng trên nhãn trước khi được nhập khẩu và kinh doanh tại Peru.

Doanh nghiệp cần chủ động xác định sản phẩm của mình thuộc phụ lục nào, rà soát phương pháp thử đang áp dụng và đối chiếu với tiêu chuẩn được Peru viện dẫn. Đối với những model đã lưu thông trên thị trường, việc mở rộng phạm vi quản lý có thể làm phát

sinh yêu cầu bổ sung kết quả thử nghiệm, hồ sơ đánh giá sự phù hợp hoặc điều chỉnh thiết kế nhẵn.

Việc bổ sung thêm nhiều nhóm hàng cũng cho thấy Peru đang mở rộng chính sách quản lý hiệu suất năng lượng từ các thiết bị truyền thống sang các sản phẩm điện tử, thiết bị nhà bếp và thiết bị văn phòng ngày càng phổ biến.

Mục tiêu của biện pháp là cung cấp thông tin về hiệu suất năng lượng cho người tiêu dùng và mở rộng phạm vi quản lý đối với các thiết bị sử dụng năng lượng.

Thời gian dự kiến thông qua hiện chưa được xác định. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 12 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo El Peruano. Trong lúc đó, Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 13/10/2026 để tham gia đóng góp ý kiến.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2026/TBT/PER/26_04251_00_s.pdf

Mã thông báo: *G/TBT/N/PER/181*.

Hàng rào kỹ thuật

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TBT MỚI BAN HÀNH

TT	Loại văn bản/số hiệu	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành	Nội dung chi tiết
1	Quyết định 1516/QĐ-TTg năm 2026	Quyết định 1516/QĐ-TTg năm 2026 về Kế hoạch hành động thực hiện biện pháp khắc phục khuyến nghị của Ủy ban châu Âu tại đợt thanh tra lần thứ 5 về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định do Thủ tướng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 10/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-1516-QD-TTg-2026-bien-phap-khac-phuc-khuyen-nghi-chong-khai-thac-hai-san-bat-hop-phap-719048.aspx
2	Thông báo 421/TB-VPCP	Thông báo 421/TB-VPCP năm 2026 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu sầu riêng do Văn phòng Chính phủ ban hành	Cập nhật: 11/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-bao-421-TB-VPCP-2026-ket-luan-cuoc-hop-ve-tinh-hinh-san-xuat-xuat-khau-sau-rieng-719653.aspx
3	Quyết định 946/QĐ-BNV	Quyết định 946/QĐ-BNV năm 2026 công bố thủ tục hành chính mới, bị bãi bỏ liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	Cập nhật: 11/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyet-dinh-946-QD-BNV-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-An-toan-ve-sinh-lao-dong-719164.aspx

4	Quyết định 2040/QĐ-BCT	Quyết định 2040/QĐ-BCT năm 2026 công bố thủ tục hành chính mới và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương	Cập nhật: 14/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Quyet-dinh-2040-QD-BCT-2026-cong-bo-thu-tuc-hanh-chinh-sua-doi-Xuat-nhap-khau-720566.aspx
5	Nghị định 323/2026/NĐ-CP	Nghị định 323/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 20/2026/QH16 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Cập nhật: 17/08/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Nghi-dinh-323-2026-ND-CP-huong-dan-Nghi-quet-20-2026-QH16-720541.aspx



Quan ngại thương mại của Liên minh châu Âu đối với quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Thông tin về biện pháp

Ngày 29/01/2026, Việt Nam đã thông báo cho Ủy ban về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (Ủy ban TBT/WTO) dự thảo “Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương” tới các Thành viên WTO.

Tại phiên họp tháng 3/2026 của Ủy ban TBT/WTO, Liên minh châu Âu (EU) đã nêu quan ngại đối với dự thảo Thông tư này.

2. Quan ngại của Liên minh châu Âu

Liên minh châu Âu cảm ơn các cơ quan chức năng của Việt Nam đã thông báo dự thảo Thông tư về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và tiếp tục trao đổi với các Thành viên WTO. EU ghi nhận tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc như một công cụ chính sách nhằm hỗ trợ bảo đảm an toàn sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng và giám sát thị trường, đồng thời ủng hộ các mục tiêu quản lý chính đáng của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, EU đưa ra một số nhận xét ban đầu liên quan đến tính minh bạch, phạm vi áp dụng và tính tương xứng của khuôn khổ truy xuất nguồn gốc được đề xuất, theo đó hệ thống này dường như được áp dụng theo chiều ngang đối với nhiều loại sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Trước hết, về tính minh bạch, EU lưu ý rằng từ tháng 10/2025 đã có một số phiên bản dự thảo Thông tư được lưu hành, trong đó có các phiên bản được công bố sau khi Việt Nam thực hiện thông báo TBT WTO vào ngày 29/01/2026. Phiên bản mới nhất mà các bên liên quan có thể tiếp cận mang ngày 01/02/2026. Theo EU, việc văn bản dự thảo tiếp tục được thay đổi như vậy khiến các Thành viên WTO và các chủ thể kinh tế gặp khó khăn trong việc đánh giá đầy đủ biện pháp và tác động tiềm tàng của biện pháp. Vì vậy, EU khuyến nghị Việt Nam bảo đảm rằng phiên bản được thông báo tới WTO phản ánh chính xác nội dung văn bản dự kiến được ban hành, phù hợp với mục tiêu minh bạch của Hiệp định TBT.



Thứ hai, liên quan đến thiết kế quy định, EU quan ngại rằng hệ thống truy xuất nguồn gốc được đề xuất dường như vượt ra ngoài thông lệ quốc tế. Tại EU và nhiều khu vực pháp lý khác, việc truy xuất nguồn gốc được thực hiện thông qua các hệ thống tương xứng, dựa trên hồ sơ sẵn có của các chủ thể kinh doanh và mã lô hoặc mã mẻ của nhà sản xuất. Theo EU, các hệ thống này đã chứng minh hiệu quả trong việc hỗ trợ thu hồi nhanh sản phẩm và thực thi pháp luật mà không yêu cầu trao đổi dữ liệu theo thời gian thực với cơ quan quản lý hoặc cho phép cơ quan quản lý truy cập trực tiếp vào hệ thống công nghệ thông tin nội bộ của các chủ thể kinh doanh.

Trong khi đó, theo nhận định của EU, dự thảo Thông tư dường như yêu cầu các chủ thể kinh doanh kết nối với một hệ thống số tập trung do cơ quan quản lý vận hành, thực hiện trao đổi dữ liệu hai chiều và cung cấp quyền truy cập ngay lập tức vào các thông tin thương mại chi tiết. EU quan ngại rằng nếu các yêu cầu này được áp dụng rộng rãi và không có sự phân biệt phù hợp, chúng có thể tạo ra gánh nặng đáng kể về hành chính và kỹ thuật, đặc biệt đối với các chủ thể nước ngoài, đồng thời đặt ra các vấn đề liên quan đến bảo vệ thông tin kinh doanh mật.

Từ góc độ WTO, EU viện dẫn Điều 2.2 của Hiệp định TBT, theo đó các quy chuẩn kỹ thuật không được hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện các mục tiêu chính đáng, cũng như Điều 2.1 của Hiệp định TBT về yêu cầu không đối xử phân biệt đối với hàng hóa nhập khẩu. Trên cơ sở đó, EU đề nghị Việt Nam đánh giá kỹ lưỡng liệu có các biện pháp thay thế ít hạn chế thương mại hơn nhưng vẫn có thể đạt được cùng mục tiêu hay không.

EU cũng nhấn mạnh rằng một số nhóm sản phẩm, như rượu vang và đồ uống có cồn mạnh, thường được coi là các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp và thường được nhập khẩu dưới dạng hàng hóa hoàn chỉnh, đã được đóng kín, không tham gia vào chuỗi sản xuất trong nước. Theo EU, việc áp dụng đối với các sản phẩm này một hệ thống truy xuất nguồn gốc phức tạp, riêng biệt theo yêu cầu của Việt Nam có thể không mang lại lợi ích bổ sung về an toàn, đồng thời có nguy cơ tạo ra các trở ngại không cần thiết đối với thương mại. Do đó, EU đề nghị Việt Nam xem xét miễn áp dụng đối với các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp này hoặc, tối thiểu, sử dụng mã lô của nhà sản xuất làm công cụ chính để thực hiện truy xuất nguồn gốc.

Cuối cùng, EU cho biết dự kiến sẽ gửi các ý kiến bằng văn bản chi tiết hơn trong giai đoạn sau, khi có thêm thông tin rõ ràng về phạm vi cuối cùng và việc thực hiện Thông tư. EU mong muốn tiếp tục đối thoại với các cơ quan chức năng của Việt Nam và đề nghị dành

đủ thời gian để các ý kiến của các Thành viên WTO được xem xét đầy đủ, bao gồm thông qua các giai đoạn chuyển tiếp phù hợp. EU khẳng định tiếp tục cam kết trao đổi mang tính xây dựng với Việt Nam nhằm hỗ trợ xây dựng các hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả, tương xứng và minh bạch, vừa đáp ứng mục tiêu quản lý vừa tạo thuận lợi cho thương mại, phù hợp với Hiệp định TBT.

3. Phản hồi của Việt Nam

Đại diện Việt Nam cảm ơn EU đã nêu quan ngại liên quan đến dự thảo Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Việt Nam ghi nhận các ý kiến liên quan do EU đưa ra và cho biết sẽ thông tin các ý kiến này tới các cơ quan có liên quan, đồng thời xem xét các ý kiến của EU.

Việt Nam cũng bày tỏ mong muốn tiếp tục trao đổi với EU về vấn đề này thông qua các cuộc họp song phương được tổ chức bên lề phiên họp chính thức tháng 3/2026 của Ủy ban WTO/TBT.



ÚC — MỘT SỐ BIỆN PHÁP LIÊN QUAN ĐẾN NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BAO BÌ TRƠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THUỐC LÁ VÀ BAO BÌ THUỐC LÁ. (DS 467) (Phần 1)

Úc — Một số biện pháp liên quan đến nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các yêu cầu khác về bao bì trơn áp dụng đối với sản phẩm thuốc lá và bao bì thuốc lá là một tranh chấp WTO giữa **Indonesia và Úc**, xoay quanh chính sách **bao bì thuốc lá trơn (plain packaging)** của Úc. Vụ việc đặc biệt đáng chú ý đối với lĩnh vực **TBT** vì Indonesia khiếu kiện chính sách này theo cả **Hiệp định TBT, TRIPS và GATT 1994**, qua đó đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa quyền điều tiết của thành viên WTO nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và các nghĩa vụ thương mại quốc tế.

1. Bối cảnh và biện pháp bị khiếu kiện

Úc ban hành chính sách bao bì thuốc lá trơn nhằm hạn chế việc sử dụng các yếu tố thiết kế, màu sắc, biểu tượng và nhãn hiệu trên bao bì thuốc lá có khả năng làm tăng sức hấp dẫn của sản phẩm. Các biện pháp chủ yếu được Úc áp dụng thông qua Luật bao gói trơn thuốc lá 2011 (Tobacco Plain Packaging Act 2011), Quy định về bao gói trơn 2011 (Tobacco Plain Packaging Regulations 2011), các sửa đổi liên quan đến các quy định này và Sửa đổi về Thương hiệu (Trade Marks Amendment) (Tobacco Plain Packaging) Act 2011.

Theo cơ chế này, bao bì thuốc lá phải tuân thủ các yêu cầu chặt chẽ về hình thức trình bày. Việc sử dụng thương hiệu trên bao bì bị giới hạn đáng kể, trong khi phần lớn diện tích bao bì được dành cho các cảnh báo sức khỏe và thông tin bắt buộc. Chính sách này được áp dụng đối với các sản phẩm thuốc lá nói chung, không phân biệt nguồn gốc trong nước hay nhập khẩu.

Indonesia, với tư cách là bên khiếu kiện, cho rằng các quy định của Úc làm hạn chế khả năng sử dụng nhãn hiệu hàng hóa (trademarks) và chỉ dẫn địa lý (geographical indications)



của các doanh nghiệp thuốc lá, đồng thời tạo ra những hạn chế đối với thương mại. Indonesia cho rằng các biện pháp này không phù hợp với một loạt nghĩa vụ của Úc theo Hiệp định TRIPS, Hiệp định TBT và GATT 1994.

Indonesia yêu cầu tham vấn với Úc ngày 20/9/2013 và yêu cầu thành lập Ban hội thẩm ngày 3/3/2014. Ban hội thẩm được thành lập ngày 26/3/2014. Vụ việc có số lượng lớn bên thứ ba tham gia, trong đó có Brazil, Canada, Trung Quốc, Cuba, Liên minh châu Âu, Guatemala, Honduras, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Mexico, New Zealand, Na Uy, Philippines, Nga, Hoa Kỳ, Uruguay và nhiều thành viên WTO khác. Điều này cho thấy tranh chấp có ý nghĩa rộng đối với việc áp dụng các biện pháp quản lý sản phẩm có liên quan đến sức khỏe cộng đồng và quyền sở hữu trí tuệ.

2. Các nghĩa vụ WTO mà Indonesia viện dẫn

Indonesia khiếu kiện Úc trên ba nhóm nghĩa vụ chính.

Thứ nhất là Hiệp định TBT, đặc biệt là Điều 2.1 và Điều 2.2. Điều 2.1 liên quan đến nghĩa vụ bảo đảm rằng các quy chuẩn kỹ thuật không đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm tương tự trong nước hoặc sản phẩm tương tự có xuất xứ từ các nước khác. Điều 2.2 yêu cầu các quy chuẩn kỹ thuật không được tạo ra hạn chế thương mại nhiều hơn mức cần thiết để đạt được một mục tiêu chính đáng, có tính đến những rủi ro mà việc không đạt được mục tiêu đó có thể gây ra.

Trong vụ việc này, Điều 2.2 TBT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi Úc giải thích rằng mục tiêu của chính sách bao bì trơ là bảo vệ sức khỏe con người, cụ thể là giảm tỷ lệ hút thuốc và các tác hại liên quan đến việc sử dụng thuốc lá. Do đó, vấn đề đặt ra là liệu các yêu cầu về bao bì trơ có tạo ra hạn chế thương mại vượt quá mức cần thiết để đạt mục tiêu bảo vệ sức khỏe hay không.

Thứ hai là Hiệp định TRIPS. Indonesia viện dẫn nhiều điều khoản liên quan đến việc đăng ký, sử dụng và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý, bao gồm Điều 2.1, 3.1, 15.4, 16.1, 16.3, 20, 22.2(b) và 24.3. Các lập luận tập trung vào việc các yêu cầu bao bì trơ làm hạn chế quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu trong việc sử dụng và khai thác thương hiệu của mình trên sản phẩm thuốc lá.

Thứ ba là Điều III:4 của GATT 1994, liên quan đến nguyên tắc đối xử quốc gia đối với hàng hóa. Indonesia cho rằng các quy định về bao bì của Úc có thể tạo ra sự đối xử kém thuận lợi đối với hàng nhập khẩu.

Điều 2.1 của Hiệp định TBT quy định các Thành viên WTO phải bảo đảm rằng, đối với các quy chuẩn kỹ thuật, sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào được đối xử không kém thuận lợi so với sản phẩm tương tự có xuất xứ trong nước và sản phẩm tương tự có xuất xứ từ bất kỳ nước nào khác. Do đó, để xác định một biện pháp có vi phạm Điều 2.1 hay không, về cơ bản cần xem xét vấn đề đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu so với sản phẩm nội địa hoặc sản phẩm nhập khẩu từ nước khác, trên cơ sở xác định sản phẩm có phải là "sản phẩm tương tự" hay không.

Trong yêu cầu thành lập Ban hội thẩm, Indonesia cho rằng các quy định kỹ thuật của Úc về bao bì và hình thức trình bày sản phẩm thuốc lá đối xử kém thuận lợi đối với thuốc lá nhập khẩu so với sản phẩm thuốc lá có nguồn gốc Úc, qua đó vi phạm Điều 2.1 TBT. Các biện pháp mà Indonesia khiếu kiện bao gồm các yêu cầu về hình thức, kích thước và vật liệu của bao bì bán lẻ; yêu cầu đối với hình thức của điều thuốc; cũng như các quy định hạn chế cách thức thể hiện thương hiệu và các dấu hiệu khác trên sản phẩm và bao bì.

Việc Indonesia lập luận theo Điều 2.1 tập trung vào khả năng các yêu cầu này làm thay đổi điều kiện cạnh tranh giữa thuốc lá nhập khẩu và thuốc lá nội địa, đặc biệt do các doanh nghiệp nước ngoài có thể phụ thuộc nhiều hơn vào các yếu tố thương hiệu, hình ảnh và thiết kế bao bì để phân biệt sản phẩm.

Đối với Điều 2.1 Hiệp định TBT, vấn đề không đơn thuần là việc quy định của Úc có áp dụng đối với thuốc lá nhập khẩu hay không. Các quy định về bao bì trơn được áp dụng đối với sản phẩm thuốc phạm vi điều chỉnh nói chung. Ở đây, Vấn đề pháp lý là liệu việc áp dụng cùng một quy định về bao bì đối với sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm nội địa có dẫn đến đối xử kém thuận lợi đối với sản phẩm nhập khẩu hay không.

Điều 2.1 TBT tập trung vào điều kiện cạnh tranh giữa các sản phẩm tương tự, chứ không chỉ xem xét sự khác biệt về mặt hình thức của quy định. Điều này phù hợp với cách Điều 2.1 được hiểu trong hệ thống giải quyết tranh chấp WTO.

Mặc dù Indonesia đã viện dẫn Điều 2...1 Hiệp định TBT nhưng Ban hội thẩm không xác định Úc có tuân thủ hay vi phạm Điều 2.1 Hiệp định TBT trên cơ sở nội dung của biện pháp và không đưa ra kết luận về yêu cầu này do chưa có đầy đủ lập luận.

